TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quang Hoạch

2. Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 848/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thu H** – sinh năm 1993

Địa chỉ: 66/3A, khu 2, ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Diên L** – sinh năm 1989.

HKTT: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Trú tại: 66/3A, khu 2, ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2020, tại bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Diên L kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bảo ban yêu

thương nhau nhưng sau một thời gian hai người thay đổi tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng không còn hòa hợp, ông Nguyễn Diên L không phụ bà chăm lo cho gia đình và thường xuyên xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà. Gần đây bà phát hiện ông L có quan hệ tình cảm với người khác, bà đã nói chuyện khuyên bảo ông L chấm dứt quan hệ ngoại tình nhiều lần nhưng ông L vẫn không chịu thay đổi. Mặc dù bà đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để gia đình khỏi tan vỡ nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Hai bên không còn tiếng nói chung, không thể cùng nhau hòa thuận được nữa nên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Vì vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 03/03/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/10/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Yêu cầu ông L cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu. Hiện nay bà đang làm việc cho ba má ruột của bà (ba má kinh doanh Karaoke) thu nhập 1 tháng 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai, tại các biên bản hòa giải ông Nguyễn Diên L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Thu H kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng ông có những lời nói nặng với vợ con, nhưng ông cũng đã xin lỗi vợ nhưng vợ không đồng ý. Nay vợ xin ly hôn thì ông không đồng ý mong vợ tha lỗi, ông sẽ không tái phạm nữa.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 03/03/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/10/2014. Ông không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M và tạm thời không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông làm việc cho ba má vợ (ba má kinh doanh Karaoke) thu nhập mỗi tháng là 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc khởi kiện, trình bày ý kiến, giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông L; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 03/03/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/10/2014 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L có nghĩa cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con; Về tài sản chung đương sự khai không yêu cầu Tòa giải quyết; Về nợ chung các đương sự khai không có. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Diên L nhưng ông Nguyễn Diên L vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Diên L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 148/2011 ngày 25/8/2011 nên áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà H trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bảo ban yêu thương nhau nhưng sau một thời gian hai người thay đổi tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng không còn hòa hợp, ông Nguyễn Diên L không phụ bà chăm lo cho gia đình và thường xuyên xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà. Gần đây, bà phát hiện ông L có quan hệ tình cảm với người khác, bà đã nói chuyện khuyên bảo ông L chấm dứt quan hệ ngoại tình nhiều lần nhưng ông L vẫn không chịu thay đổi. Mặc dù bà đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để gia đình khỏi tan vỡ nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Hai bên không còn tiếng nói chung, không thể cùng nhau hòa thuận được nữa nên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Vì vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông L. Còn ông L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng ông có những lời nói nặng với vợ con, nhưng ông cũng đã xin lỗi vợ nhưng vợ không đồng ý. Nay vợ xin ly hôn thì ông không đồng ý, mong vợ tha lỗi, ông sẽ không tái phạm nữa. Qua xác minh tại địa phương ngày 09/12/2020, thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn gia đình của bà H và ông L do ông bà không yêu cầu hòa giải cơ sở. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông L đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, bà H cũng đã nộp đơn ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn và Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để bà H, ông L hàn gắn đoàn tụ nhưng không được, bà H vẫn cương quyết xin ly hôn vì hiện nay không còn tình cảm với ông L, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H xin ly hôn với

ông L là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Diên L.

[3] Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 03/03/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/10/2014. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Yêu cầu ông L cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu. Ông L không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M và tạm thời không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc Trà M có nguyện vọng được ở với mẹ và các cháu đều là con gái. Do đó, giao cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 03/03/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/10/2014 cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho các cháu. Buộc ông L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/1 cháu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M, cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn. Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Diên L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 03/03/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/10/2014 cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Diên L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/1 cháu (một triệu đồng/một cháu) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M, cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của ông Nguyễn Diên L.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) về việc ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005914 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Diên L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ..

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến